TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/KDTM - ST
Ngày: 28/6/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Tấn Bình
Ông Trần Ngọc Hoà

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Trúc Phương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: Số: 116/2023/QĐXX-ST ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: 18 L, phường T, Quận C, Hà Nội; Đại diện pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch HĐQT

Pháp nhân Đại diện uỷ quyền: Công ty TNHH quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Q; Địa chỉ: 03 L, phường L, Quận B Hà Nội; Đại diện pháp luật: Ông Phạm Văn P –Tổng giám đốc; Đại diện uỷ quyền: Ông Lê Thanh H – Giám đốc CN công ty M

Uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Lê Anh K – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 3, số 174, phường H, Q. H, Đ

(Theo văn bản uỷ quyền số 1201/UQ-MBAMC ngày 21/12/2022)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quốc V, SN: 1977; bà Trần Xuân H, SN: 1981; Địa chỉ: 05 N, TP. Quy Nhơn, Bình Định.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2022 và trong quá trình tố tụng,ông Nguyễn Lê Anh K là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q trình bày:*

Ngân hàng TMCP Q (sau đây gọi tắt là M) với ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H đã ký kết Hợp đồng cho vay số: 240240.21.401.16219182.TD ngày 05/01/2022 và các khế ước nhận nợ như sau:

Số Hợp đồng	**Số khế ước**	**Mục đích vay**	**Ngày nhận nợ**	**Lãi suất (%)/năm**	**Số tiền phát vay (Trđ)**
240240.21.401.16219182.TD ngày 5/01/2022		Cho vay bổ sung vốn lưu động.	05/01/2022	7,2	3.500
Tổng số tiền giải ngân: 3.500.000.000 đồng					

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông V, bà H ký hợp đồng thế chấp số: 240251.21.401.16219182.BĐ ngày 05/01/2022, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 265, tờ bản đồ số: 15, diện tích: 64,5 m2; địa chỉ: Tổ 1, KV 1, phường N, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (theo Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNO & TSKGLVĐ số CR 811939, số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: CS 03244 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bình Định cấp ngày 25/12/2019; Ngày 30/12/2019 xác nhận tặng cho ông Nguyễn Quốc V) cho Ngân hàng TMCP Q - CN Bình Định; Số công chứng: 0055, quyển số: 01/2022 - TP/CC-SCC/HĐGD.

Ngoài ra, ngày 05/01/2022 MB cấp cho ông V thẻ tín dụng JCB (Thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, hạn thẻ: Gold, thời hạn duy trì hạn mức thẻ là 36 tháng, lãi suất theo quy định M từng thời kỳ 12% mã lãi suất A1.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như cam kết trong Hợp đồng tín dụng, các Khế ước nhận nợ, cụ thể dư nợ tạm tính đến ngày 27/6/2023 là: nợ gốc: 3.500.000.000 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng; nợ thẻ tín dụng 124.330.912 đồng; tổng cộng: 4.065.945.934 đồng

M đã nhiều lần gửi văn bản yêu cầu vợ chồng ông V và bà H trả nợ theo đúng quy định nhưng ông V và bà H không thực hiện, không có phương án trả nợ khả thi cho ngân hàng và hiện tại khoản nợ trên đã phát sinh nợ xấu. Nay M đề nghị Tòa án Quy Nhơn giải quyết các vấn đề sau:

+ Buộc ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H phải thanh toán cho M các khoản nợ theo các Hợp đồng cho vay và các khế ước nhận nợ đính kèm với số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2023 là: nợ gốc: 3.500.000.000 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng; nợ thẻ tín dụng 124.330.912 đồng; tổng cộng: 4.065.945.934 đồng.

+ Ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi

phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay ngày 05/01/2022 và các khế ước nhận nợ đính kèm kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Nếu ông V và bà H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ nêu trên, thì M yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng M. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác

** Tại bản khai ngày 29/3/2023 bị đơn ông Nguyễn Quốc V trình bày:*

Ông công nhận vợ chồng ông có ký kết hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng TMCP Q, ký kết hợp đồng thế chấp tài sản và thẻ tín dụng JCB như Ngân hàng đã trình bày là đúng. Quá trình thực hiện các hợp đã ký kết, ông và vợ là bà Trần Xuân H chỉ trả nợ lãi, chưa trả được nợ gốc cho Ngân hàng. Ông thừa nhận tính đến ngày 06/12/2022 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP Q:

+ Nợ gốc 3.616.639.390 đồng,

+ Nợ lãi 157.441.294 đồng.

Do tình hình kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ nên vợ chồng ông không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, ông xin cho thời gian 06 tháng để bán tài sản thanh toán nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Trần Xuân H: đã được Toà tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng bà H đều vắng mặt không có lý do

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành việc có mặt theo triệu tập của Tòa.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 117, 317, 319, 299, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010: Buộc ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2023, tổng cộng là: 4.065.945.934 đồng (trong đó nợ

gốc: 3.500.000.000 đồng, lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng; nợ thẻ tín dụng 124.330.912 đồng; tổng cộng). Ông V, bà H còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết kể từ ngày 28/6/2023 trở đi trên số dư nợ gốc cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp ông V, bà H không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp được hai bên ký kết ngày 05/01/2022 để thu hồi nợ.

- Án phí: Ông Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại 05 N, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông V, bà H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà H.

[2] - Về nội dung tranh chấp: Ngày 05/01/2022 Nguyễn Quốc V và bà Trần Xuân H có ký hợp đồng tín dụng số 240240.21.401.16219182.TD vay của Ngân hàng TMCP Q 3.500.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn cấp hạn mức 24 tháng kể từ ngày 28/12/2021, phương thức trả nợ: lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ. Lãi suất trong hạn 7,2%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn. Cùng ngày ông V có đơn đề nghị M cấp thẻ tín dụng JCB (Thẻ tín dụng quốc tế), hạn mức thẻ 100.000.000 đồng, hạn thẻ: Gold, thời hạn duy trì hạn mức thẻ là 36 tháng, lãi suất theo quy định M từng thời kỳ 12% mã lãi suất A1.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, do ông V, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cũng như tiền lãi suất cho Ngân hàng theo như cam kết. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo và yêu cầu thanh toán nợ nhưng ông V, bà H cố tình không trả. Vì vậy, M khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả cho M tổng cộng: 4.065.945.934 đồng tính đến ngày 27/6/2023 (trong đó nợ gốc: 3.500.000.000 đồng; lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng; nợ thẻ tín dụng 124.330.912 đồng).

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cố tình vắng mặt không đến tòa làm việc. Ngày 11/4/2023 Tòa kết hợp với chính quyền địa phương đến nhà lấy lời khai của bà H nhưng bà H không có ở nhà vì vậy Tòa lập biên bản lấy lời khai không được để làm bằng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q thì thấy rằng:

- Đối với Hợp đồng tín dụng: ông V, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 240240.21.401.16219182.TD ngày 05/11/2022 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 05/01/2022. Do đó, căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông V, bà H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tiền gốc: 3.500.000.000 đồng; lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng;

- Đối với thẻ tín dụng JCB: ông V thừa nhận vợ chồng ông đã sử dụng thẻ, hiện nay còn nợ 124.330.912 đồng. Do đó vợ chồng ông V và bà H có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho M.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 240240.21.401.16219182.TD, ngày 05/01/2022 giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H có ký hợp đồng thế chấp số 240251.21.401.16219182.BĐ, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại thửa đất số: 265, tờ bản đồ số: 15, diện tích: 64,5 m2, địa chỉ: Tổ 1, KV 1, phường N, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; đã đăng ký thế chấp .

Ngày 19/4/2023 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn kết hợp với chính quyền địa phương phường N, TP. Quy Nhơn để kiểm tra xem xét tài sản thế chấp. Qua kiểm tra, xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp thì hiện trạng nhà+ đất không có gì thay đổi so với thời điểm xác lập hợp đồng thế chấp.

Xét hợp đồng thế chấp số 240251.21.401.16219182.BĐ ngày 05/01/2022 các bên tham gia ký kết tự nguyện, không ai bị ép buộc, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại các Điều 317, 319, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên hợp đồng có hiệu lực và phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo quy định. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn có căn cứ được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, ông ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H phải nộp 112.065.945đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H phải chịu 3.000.000đ. Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng 3.000.000đ, nên ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào các Điều 317, 319, 320, 323 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

2. Buộc ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tính đến ngày 27/6/2023 tổng cộng: 4.065.945.934 đồng (trong đó nợ gốc: 3.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn, quá hạn và lãi phạt chậm trả: 437.432.928đồng; nợ thẻ tín dụng 124.330.912 đồng).

Kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q theo hợp đồng tín dụng số 240240.21.401.16219182.TD ngày 05/11/2022, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 240251.21.401.16219182.BĐ ngày 05/01/2022 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông V và bà H vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng M.

Trường hợp ông V, bà H thanh toán xong các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 240240.21.401.16219182.TD ngày 05/11/2022 thì Ngân hàng TMCP Q phải trả lại bản chính các giấy tờ đã thế chấp theo hợp đồng thế số 240251.21.401.16219182.BĐ cho ông V, bà H.

4. Về án phí KDTM sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H phải nộp 112.065.945 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q 53.740.000 đồng (Năm mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003472 ngày 21.3.2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

- Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H phải chịu 3.000.000đ. Ngân hàng TMCP Q đã nộp tạm ứng 3.000.000đ nên ông Nguyễn Quốc V, bà Trần Xuân H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Quy Nhơn;
- THA TP.Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Thảo Linh Phương